TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **186** /2019/DS-PT
Ngày: 31 - 10 - 2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyến

Ông Trần Bình Đảo

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án lý số 159/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị Hằng E, sinh năm: 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6 khu phốT, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn*:** Bà Hà Mộng L, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6 khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E trình bày:

Bà Hà Mộng L, ông Lê Văn Đ có hỏi vay của bà nhiều lần, cụ thể: Vào ngày 08/5/2012, vợ chồng bà Hà Mộng L, ông Lê Văn Đ có hỏi vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 15/7/2012, bà L, ông Đ vay thêm 20.000.000 đồng, tiếp đến ngày 30/11/2012, vợ chồng bà L vay thêm 20.000.000 đồng, tiếp tục vào ngày 29/12/2012 vợ chồng bà L vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Tất cả những lần vay bên phía bà L đều ký vào biên nhận nợ, lãi suất và thời hạn trả nợ thì hai bên tự thỏa thuận. Như vậy, tổng cộng vợ chồng chị L, anh Đ đã vay tổng cộng 04 lần với số tiền tổng cộng 100.000.000 đồng. Từ ngày 29/12/2012 đến nay, bà L, ông Đ không trả gốc cũng như không có trả lãi.

Khi vay vợ chồng bà L có đóng lãi được mấy tháng đầu nhưng từ ngày 29/12/2012 sau khi vay thêm 30.000.000 đồng, ông Đ, bà L không đóng lãi thêm và đối với số tiền đóng lãi mà ông Đ, bà L đã trả cho bà được bao nhiêu đến nay không nhớ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ phải trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/12/2012 cho đến ngày 08/5/2018 là 64 tháng 08 ngày, nhưng làm tròn 60 tháng với lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền 45.000.000 đồng, giảm cho vợ chồng chị L là 50% tiền lãi, yêu cầu trả lãi là 22.500.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ trả cho bà số tiền gốc và lãi là 122.500.000 đồng.

* Bị đơn trình bày ý kiến:

- *Bà Hà Mộng L trình bày ý kiến*: Lời trình bày của bà Đỗ Thị Hằng E là không đúng sự thật, bà trình bày như sau: Bà thừa nhận ngày 08/5/2012, bà có vay của bà Hằng E số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 15/7/2012 bà có vay thêm số tiền 20.000.000 đồng; tiếp đến ngày 30/11/2012 vay thêm số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng, bà vay của bà Hằng E số tiền 70.000.000 đồng và hằng tháng bà phải đóng lãi cho bà Hằng E là 4.900.000 đồng/tháng, sau này bà Hằng E giảm còn 4.200.000 đồng/tháng, bà đóng lãi đến ngày 29/12/2012 ngưng không đóng nữa. Đối với số tiền 30.000.000 đồng ngày 29/12/2012 đây là số tiền lãi, không phải là tiền gốc, nhưng do bà Hằng E cộng dồn và yêu cầu bà ghi biên nhận nợ.

Từ khi vay ngày 08/5/2012, mỗi tháng bà đều đóng lãi cho bà Hằng E là 4.200.000 đồng, đóng được 15 tháng bằng số tiền 63.000.000 đồng, thời gian khoảng

năm 2014 bà nhớ có đóng thêm cho bà Hằng E số tiền 2.000.000 đồng/tháng và đóng được 13 tháng là 26.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xác định số tiền 26.000.000 đồng bà trả cho bà Hằng E là tiền gốc nên bà yêu cầu cấn trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và bà đồng ý trả cho bà Hằng E số tiền còn lại là 44.000.000 đồng. Đồng thời, bà xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Lê Văn Đ không có lời khai và vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Căn cứ các điều 26, 35, 227, 228, 244, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E.

- Buộc bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ phải liên đới trả cho bà Đỗ Thị Hằng E tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 22.500.000 đồng, tổng cộng là 122.500.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Đỗ Thị Hằng E về việc yêu cầu khởi kiện giảm một phần tiền lãi 45.000.000 đồng còn 22.500.000 đồng.

- Bác yêu cầu xin trả dần của bà Hà Mộng L xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngày 23/8/2019, bà Hà Mộng L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho bà trả cho bà Đỗ Thị Hằng E số tiền gốc 44.000.000 đồng và xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu tính lãi của bà Đỗ Thị Hằng E đối với bà.

Cùng ngày 23/8/2019, ông Lê Văn Đ kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải liên đới cùng bà Hà Mộng L trả nợ cho bà Đỗ Thị Hằng E, ông

không đồng ý. Với lý do, ông không biết việc vợ ông là bà L vay tiền của bà Hằng E và ông không sử dụng số tiền vay này của bà L.

Ngày 28/8/2019, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E có đơn trình bày ý kiến thể hiện nội dung: Bà chỉ yêu cầu bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ phải liên đới thanh toán số tiền gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền lãi 22.500.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Mộng L thừa nhận chỉ nợ bà Đỗ Thị Hằng E số tiền gốc 70.000.000 đồng nhưng đã thanh toán được số tiền 26.000.000 đồng. Do đó, bà đồng ý trả cho bà Hằng E số tiền còn nợ gốc là 44.000.000 đồng và xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán nợ.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ có thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ cho bà Hằng E và yêu cầu trả dần với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông Đ thanh toán tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về trách nhiệm liên đới trả nợ, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, HĐXX nhận thấy:

[1] Tại biên nhận nợ thể hiện, bà Hà Mộng L có vay tiền của bà Đỗ Thị Hằng E nhiều lần, cụ thể: Ngày 08/5/2012 (âl) vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 15/7 âm lịch vay thêm 20.000.000 đồng, ngày 30/11 tiếp tục vay thêm 20.000.000 đồng và ngày 29/12/2012 vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng số tiền là 100.000.000 đồng (BL 03). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận các chữ ký trong biên nhận nợ đều là của bà (BL 33). Do đó, Tòa án

cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hằng E là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bà L kháng cáo cho rằng: Bà chỉ nợ bà Hằng E số tiền gốc 70.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi, bà đã thanh toán được số tiền gốc là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai này của bà L không được bà Hằng E thừa nhận; đồng thời, bà L cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì theo khoản 2 Điều 91 - Bộ luật tố tụng dân sự quy định:" *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh*".

[2] Xét kháng cáo của ông Đ thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm bà Hằng E, bà L đều thống nhất xác định bà L vay tiền của bà Hằng E nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình (BL 32, 34). Khi bà L vay tiền của bà Hằng E và đến thời điểm hiện tại thì bà L, ông Đ đang là vợ chồng nên căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì ông Đ phải liên đới chịu trách nhiệm đối với giao dịch do bà L thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà Hằng E nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, việc ông Đ đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ cho bà Hằng E là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX cần ghi nhận.

Riêng đối với yêu cầu của ông Đ và nội dung kháng cáo của bà L xin được trả dần cho bà Hằng E số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán xong số tiền vay. Xét thấy, việc xem xét cho đương sự phải trả nợ một lần hay trả làm nhiều lần thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hằng E không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của bà L, ông Đ. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L, ông Đ.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Hằng E chỉ yêu cầu bà L, ông Đ trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Mộng L, ghi nhận sự tự nguyện của bà Hằng E về việc không yêu cầu tính lãi, sự tự nguyện của ông Đ về trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà Hằng E, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Mộng L.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Đ về việc thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung chấp nhận trách nhiệm liên đới cùng bà Hà Mộng L thanh toán nợ cho bà Đỗ Thị Hằng E.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 ; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ.

[2] Buộc bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đỗ Thị Hằng E số tiền vay là 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng).*

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng E không yêu cầu bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ phải trả lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng.

[4] Kể từ ngày bà Đỗ Thị Hằng E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hà Mộng L, ông Lê Văn Đ không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[5] Về án phí*:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)*.

Bà Đỗ Thị Hằng E không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hằng E số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* mà bà Đỗ Thị Hằng E đã nộp (do ông Nguyễn Tiến Trung nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0002275 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Hà Mộng L và ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà L, ông Đ mỗi người 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* mà bà Hà Mộng L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005692 ngày 23/8/2019 và ông Lê Văn Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005693 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

*** Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện H;
- T.H.A DS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Kế Nghiệp